CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày 31/12/2024	22,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.8%	**-3.6%**	**-8.9%**

Sức mạnh tài chính Piotroski F - Score 2024	**3/9** *(Yếu)*

	2024	YoY
DT thuần	**64.7** *tỷ VNĐ*	▼ 228 ▼ 77.9%

	2024	YoY
LN sau thuế	**0.44** *tỷ VNĐ*	▼ 0.65 ▼ 59.6%

Tỷ suất lợi nhuận

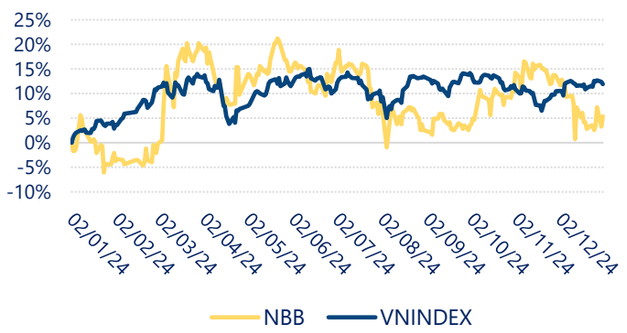

Cơ cấu cổ đông

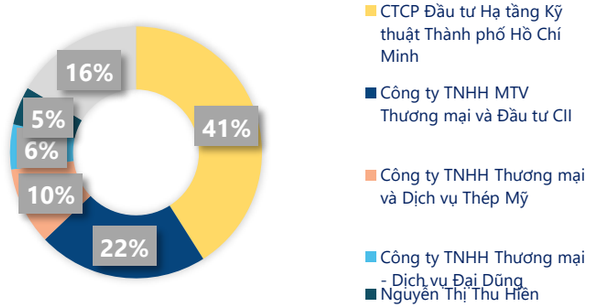

Piotroski F - Score

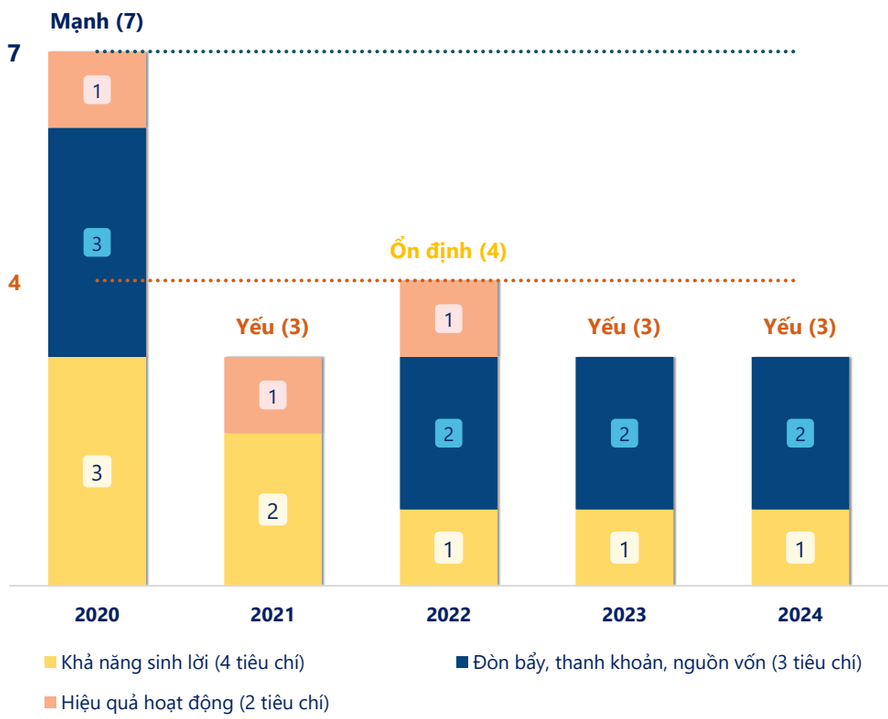

Năm **2024**, F-Score của **NBB** đạt **3/9** không đổi so với năm trước cho thấy sức khỏe tài chính chưa được cải thiện vẫn được đánh giá ở mức **"Yếu"**.

Trong đó, khả năng sinh lời **không đổi** đạt **1/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **2/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **không đạt** điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

F-Score ở mức yếu là một tín hiệu xấu cho thấy sự đáng lo ngại về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Phản ánh tình trạng không ổn định và rủi ro tài chính cao.

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

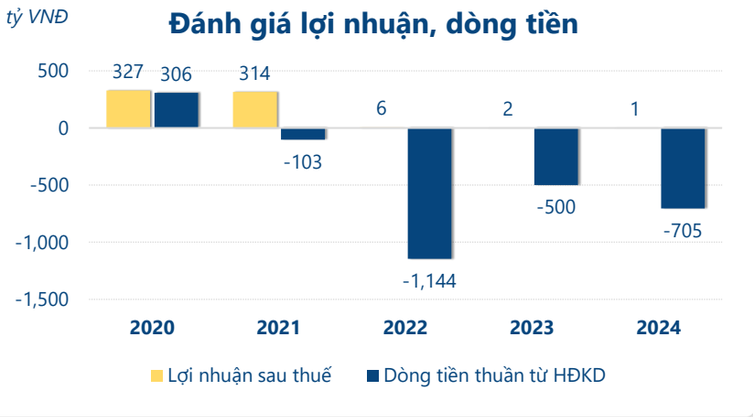

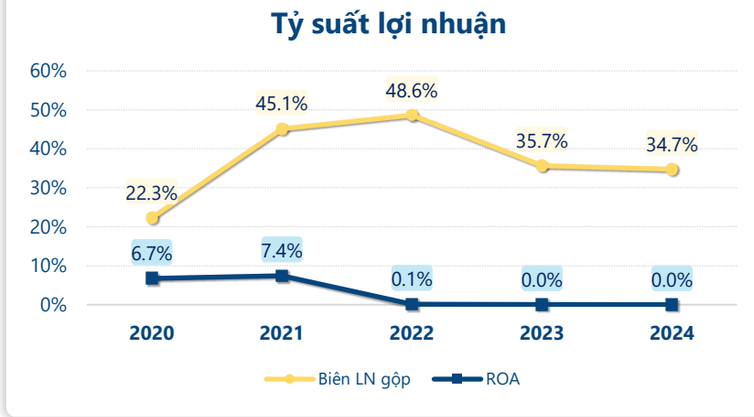

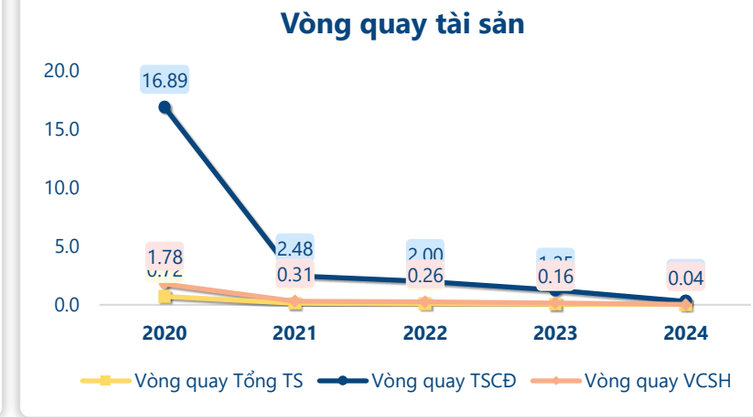

Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **NBB**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, lăm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.

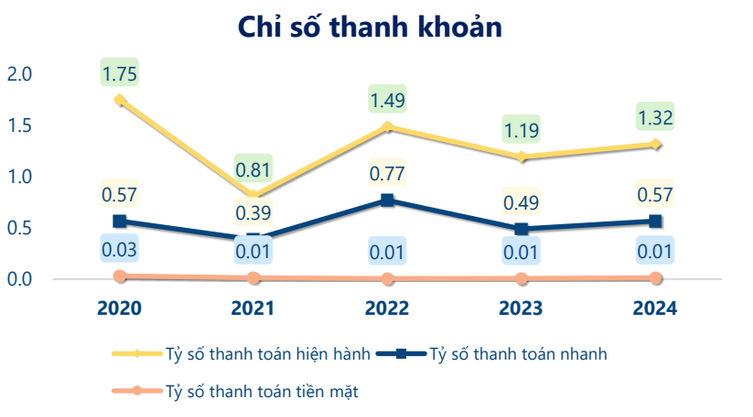

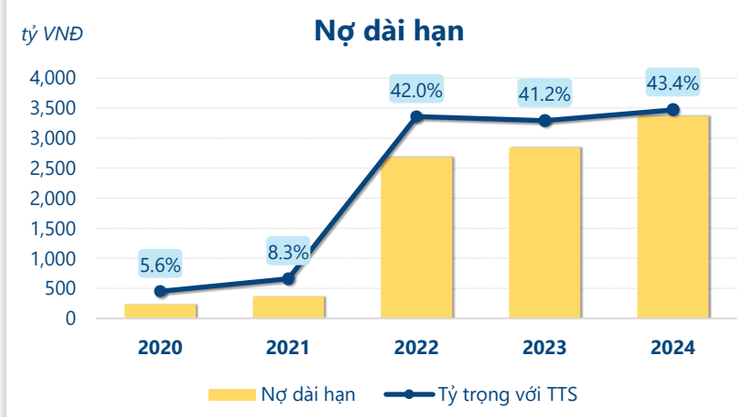

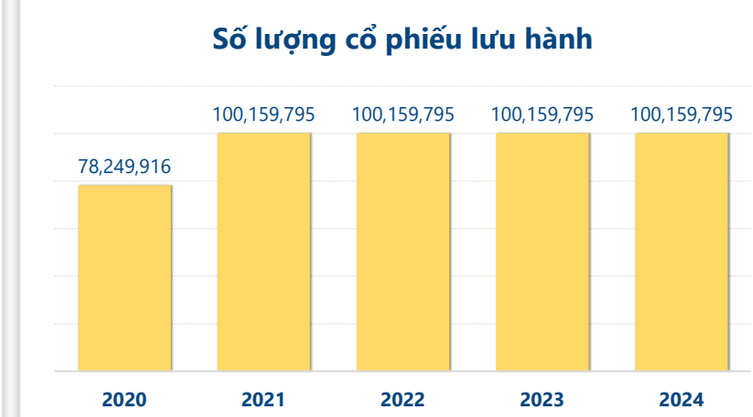

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,756**	**6,910**	**12.2%**
Tài sản ngắn hạn	3,006	2,681	12.1%
Tiền và tương đương tiền	33.1	15.8	110%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.00	0	
Phải thu ngắn hạn	945	1,035	-8.7%
Hàng tồn kho	1,949	1,578	23.4%
Tài sản ngắn hạn khác	70.4	51.6	36.3%
Tài sản dài hạn	**4,750**	**4,229**	**12.3%**
Phải thu dài hạn	2,409	2,032	18.5%
Tài sản cố định	218	222	-1.9%
Bất động sản đầu tư	8.82	9.49	-7.0%
Tài sản dở dang	1,797	1,654	8.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	36.6	36.6	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**247**	**238**	**3.9%**
Lợi thế thương mại	34.0	38.0	-10.5%
Nợ phải trả	5,937	5,089	16.7%
Nợ ngắn hạn	**2,574**	**2,245**	**14.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,712	1,101	55.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	95.6	131	-26.8%
Nợ dài hạn	3,363	2,845	18.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,714	2,539	6.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,818**	**1,821**	**-0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**1,818**	**1,821**	**-0.1%**
Vốn điều lệ	1,005	1,005	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**3,501**	**565**	**466**	**293**	**64.7**
Giá vốn hàng bán	2,720	310	240	188	42.2
Lợi nhuận gộp	**781**	**255**	**227**	**105**	**22.5**
Doanh thu HĐTC	20.3	435	151	353	316
Chi phí TC	198	166	260	323	255
Chi phí lãi vay	**3.65**	**99.3**	**170**	**263**	**252**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	127	3.08	2.92	1.33	1.34
Chi phí QLDN	41.4	66.5	42.6	49.1	17.3
LN thuần từ HĐKD	**435**	**455**	**72.9**	**84.5**	**64.4**
Lợi nhuận khác	23.1	-33.6	-49.2	-48.5	-49.5
LN trước thuế	**458**	**421**	**23.7**	**36.0**	**14.9**
Lợi nhuận sau thuế	**327**	**313**	**7.18**	**1.09**	**0.44**
LNST của CĐ cty mẹ	**327**	**314**	**6.00**	**1.91**	**0.76**

LƯU CHUYỂN TIỀN T *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	306	-103	-1,144	-500	-705
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-24.7	-477	-817	-258	-102
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-354	543	1,943	762	825
Tiền đầu kỳ	139	67.5	30.2	12.1	15.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-72.0**	**-37.3**	**-18.0**	**3.66**	**17.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	67.5	30.2	12.1	15.8	33.1